

BÁO CÁO
Giá thị trường 9 tháng năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. Sở Tài chính báo cáo tình hình giá thị trường 9 tháng năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

I. Tổng quan về tình hình thị trường, giá cả tháng 09/2024

1. Mặt bằng giá thị trường trên địa bàn tỉnh

Thị trường hàng hoá trên địa bàn tỉnh An Giang tháng 9/2024 tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng cho Nhân dân. So với tháng 8/2024 một số mặt hàng thuộc nhóm lương thực, thực phẩm có mức giá giảm như thóc tẻ các loại và gạo trắng thông dụng, thịt lợn, thịt bò, đường, ..., ngược lại cá, gà, rau, củ, quả các loại có mức giá tăng; ở nhóm vật tư nông nghiệp mặt hàng Phân NPK có giá giảm nhẹ; ở nhóm vật liệu, xây dựng, chất đốt một số mặt hàng có mức giá giảm như thép, ..., ngược lại khí dầu mỏ hóa lỏng có mức giá tăng; một số mặt hàng còn lại tương đối ổn định.

Nhìn chung, mặt bằng giá cả thị trường trong tháng trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được đảm bảo, không xảy ra tình trạng sốt hàng hay tăng giá bất hợp lý làm bất ổn thị trường.

2. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh An Giang:

a) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ trên địa bàn tỉnh

Theo Báo cáo số 646/BC-CTK ngày 30/9/2024 của Cục Thống kê về phân tích tình hình giá cả thị trường tỉnh An Giang tháng 9 năm 2024, diễn biến chỉ số tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau

Stt	Nhóm hàng	Chỉ số giá tháng 09/2024 so với				
		Kỳ gốc năm 2019 (%)	Cùng tháng năm trước (%)	Tháng 12 năm trước (%)	Tháng trước (%)	Bình quân cùng kỳ (%)
	Chỉ số giá tiêu dùng	117,38	103,02	101,62	100,16	104,83
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	129,65	104,60	102,52	100,40	107,54
	<i>Trong đó: 1. Lương thực</i>	150,79	109,54	100,38	100,68	118,92

	<i>2. Thực phẩm</i>	122,75	103,99	103,15	100,31	104,24
	<i>3. Ăn uống ngoài gia đình</i>	133,13	103,80	102,39	100,42	108,61
II	Đồ uống và thuốc lá	116,58	105,23	103,42	100,08	107,07
III	May mặc, mũ nón, giày dép	106,48	102,60	101,75	100,11	104,08
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	111,94	102,58	101,17	100,47	102,86
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,49	101,42	101,34	99,77	101,72
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	116,55	112,23	100,10	99,93	112,43
	<i>Trong đó: Dịch vụ Y tế</i>	118,63	114,76	100,00	100,00	114,76
VII	Giao thông	104,80	91,80	96,98	97,61	100,42
VIII	Bưu chính viễn thông	104,95	100,00	100,00	100,00	100,00
IX	Giáo dục	117,35	103,54	102,73	102,64	97,61
	<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	120,29	104,34	103,33	103,26	96,36
X	Văn hóa, giải trí và du lịch	106,15	100,46	100,85	99,69	102,27
XI	Hàng hóa và dịch vụ khác	117,29	106,51	106,38	100,06	105,67
	Chỉ số giá vàng	199,01	137,02	127,92	102,12	126,35
	Chỉ số giá đô la Mỹ	107,37	102,73	102,21	98,34	105,17

b) Phân tích diễn biến CPI và thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI trên địa bàn tỉnh.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 09/2024 tăng nhẹ so với tháng trước (+0,16%), nhưng tăng 3,02% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,62% so với tháng 12/2023.

Nguyên nhân chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2024 tăng 0,16% (khu vực thành thị tăng 0,15%; khu vực nông thôn tăng 0,17%). Do trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 6 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, 4 nhóm hàng giảm giá và 1 nhóm hàng có giá ổn định. Trong 6 nhóm hàng tăng giá, nhóm giáo dục tăng cao nhất (+2,64%), tiếp theo lần lượt là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,47%); nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng (+0,4%); nhóm hàng may mặc, mũ nón và giày dép (+0,11%) và nhóm đồ uống và thuốc lá (+0,08%), nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng (+0,06%). Ở chiều ngược lại, nhóm giao thông giảm (-2,39%), tiếp theo lần lượt là nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (-0,31%), nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (-0,23%), nhóm thuốc và dịch vụ y tế giảm (-0,07%).

3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ: theo Bảng giá thị trường 09/2024 trên địa bàn tỉnh An Giang đính kèm.

II. Diễn biến giá thị trường của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu

1. Lương thực - thực phẩm:

- Giá bình quân mặt hàng lương thực so với tháng 08/2024: giá lúa (thóc tẻ) mua tại ruộng đổi với Lúa Đài thơm 8 là 8.088 đồng/kg, giảm 193 đồng/kg (tương đương 2,32%), lúa OM 18 là 7.810 đồng/kg, giảm 555 đồng/kg (tương đương 6,63%), lúa IR 50404 là 7.350 đồng/kg, giảm 340 đồng/kg (tương đương 4,42%); gạo tẻ Hương Lài là 19.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg (tương đương 5,0%); gạo tẻ thơm Jasmine và gạo tẻ trắng thông dụng có giá ổn định không đổi.

- Giá bình quân mặt hàng thực phẩm so với tháng 08/2024: giá thịt lợn hơi là 62.958 đồng/kg, giảm 234 đồng/kg (tương đương 0,37%); giá thịt lợn nạc thăn là 122.500 đồng/kg, giảm 500 đồng/kg (tương đương 0,41%); giá thịt bò thăn: 230.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg (tương đương 0,43%); thịt bò bắp: 198.750 đồng/kg, giảm 250 đồng/kg (tương đương 0,13%); gà ta: 122.500 đồng/kg, tăng 600 đồng/kg (tương đương 0,49%); gà công nghiệp: 77.500 đồng/kg, tăng 250 đồng/kg (tương đương 0,32%); cá quả (cá lóc nuôi): 51.875 đồng/kg, tăng 725 đồng/kg (tương đương 1,42%); cá chép: 56.250 đồng/kg, tăng 1.250 đồng/kg (tương đương 2,27%); tôm thẻ chân trắng: 188.750 đồng/kg, tăng 4.750 đồng/kg (tương đương 2,58%); bắp cải trắng: 14.250 đồng/kg, tăng 300 đồng/kg (tương đương 2,15%); cải xanh: 15.125 đồng/kg, tăng 225 đồng (tương đương 1,51%); bí xanh: 18.375 đồng/kg, tăng 775 đồng/kg (tương đương 4,40%); cà chua: 33.125 đồng/kg, tăng 1.625 đồng (tương đương 5,16%); đường cát trắng tinh luyện 30.850 đồng/kg, giảm 150 đồng (tương đương 0,48%); đường cát trắng nhuyển: 23.375 đồng/kg, giảm 25 đồng (tương đương 0,11%). Mặt khác, giá giò lụa là 180.000 đồng/kg, giá không thay đổi so với tháng trước.

2. Vật tư nông nghiệp:

- Giá bình quân của một số mặt hàng vật tư nông nghiệp so với tháng 08/2024: Phân NPK Việt Nhật (16-16-8): 12.698 đồng/kg, giảm 22 đồng/kg (tương đương 0,17%). Phân đạm Urê Cà Mau: 10.730 và Phân DAP Cà Mau: 17.600 đồng/kg có giá không đổi so với tháng trước.

- Giá bình quân thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có giá không đổi so với tháng 08/2024, cụ thể: thức ăn hỗn hợp cho heo (bao 25 kg): 550.000 đồng/bao, thức ăn cho cá tra, basa (bao 25kg): 485.000 đồng/bao.

3. Vật liệu xây dựng, chất đốt:

- Giá bình quân của một số mặt hàng vật liệu xây dựng xi măng, thép so với kỳ báo cáo tháng 08/2024: thép cuộn D6 CB 240: 15.945 đồng/kg, giảm 592 đồng/kg (tương đương 3,58%); thép cuộn D8 CB 240: 15.928 đồng/kg, giảm 592 đồng/kg (tương đương 3,58%); thép thanh vằn D10 CB 300: 16.148 đồng/kg, giảm 563 đồng/kg (tương đương 3,37%). Các mặt hàng có giá không đổi so với tháng 08/2024: xi măng PCB 30 (xi măng POOC LẮNG, Sư tử, bao 50kg): 62.000 đồng/bao, xi măng PCB 50 (xi măng ACIFA, bao 50kg): 72.000 đồng/bao, xi măng PCB 40 (xi măng An Giang, bao 50kg): 76.000 đồng/bao. Riêng các loại vật liệu xây dựng như: phôi thép các loại, thép góc các loại

không khảo sát được giá do hiện nay các cửa hàng trên địa bàn tỉnh không kinh doanh các mặt hàng này.

- Giá bình quân mặt hàng cát các loại so với tháng 08/2024: Cát vàng hạt nhỏ dùng trong xây dựng (mua rời dưới 2m³/lần tại nơi cung ứng, không phải nơi khai thác) có giá không đổi: 360.000 đồng/m³; cát vàng hạt to dùng trong xây dựng (mua rời dưới 2m³/lần tại nơi cung ứng, không phải nơi khai thác) có giá không đổi: 320.000 đồng/m³. Riêng loại cát đen dùng trong xây dựng và cát đen đổ nền không khảo sát được giá do hiện nay các cửa hàng không có các loại cát này; gạch xây có giá không thay đổi: 1.370 đồng/viên.

- Giá bình quân chất đốt so với tháng 08/2024: khí dầu mỏ hóa lỏng (gas SP bình 12kg): 33.615 đồng/kg, tăng 224 đồng/kg (tương đương 0,67%).

4. Dịch vụ y tế: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có giá ổn định so với tháng 08/2024: giá khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước: 42.100 đồng/lượt và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân: 70.000 đồng/lượt.

5. Giao thông: Giao thông có mức giá dịch vụ ổn định so với tháng 08/2024, cụ thể: Giá trông giữ xe máy (ban ngày): 2.000 đồng/lượt, trông giữ xe ô tô xe 12 chỗ trở xuống (ban ngày): 5.000 đồng/lượt; giá cước taxi (06 km đầu loại xe 4 chỗ): 14.500 đồng/km. Riêng dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ (tuyến Long Xuyên - Thành phố Hồ Chí Minh): 184.167 đồng/lượt; tăng 4.167 đồng/lượt (tương đương 2,31%).

6. Dịch vụ giáo dục: Dịch vụ giáo dục có mức giá ổn định so với tháng trước, cụ thể: dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập: 120.000 đồng/tháng; dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập: 75.000 đồng/tháng; dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập hoặc tương đương đại học công lập: 1.170.000 đồng/tháng; dịch vụ đào tạo nghề công lập (Trung cấp): 780.000 đồng/tháng.

III. Tình hình thực hiện công tác quản lý, điều tiết giá

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá:

- Trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính kết quả rà soát, tổng hợp danh mục các văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15.

- Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá và Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Sở Tài chính dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang phù hợp theo quy định của Luật Giá 2023 và các văn bản

hướng dẫn có liên quan; Ngày 26/9/2024, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Dự kiến ban hành trong tháng 10/2024.

- Sau khi tiếp nhận và tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của UBND tỉnh ban hành giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh An Giang; Sở Tài chính đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính, làm cơ sở hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định.

2. Tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường và các biện pháp bình ổn giá (nếu có): Không phát sinh.

3. Công tác định giá của địa phương: Hiện nay các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đang rà soát các văn bản định giá để trình ban hành văn bản định giá mới theo quy định của Luật Giá 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

4. Tình hình thực hiện kê khai giá:

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; trong đó tại Điều 16 quy định Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá: “1. ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan chuyên môn, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo ngành, lĩnh vực quản lý về hàng hóa, dịch vụ, cơ quan hành chính cấp dưới tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này. 2. Việc ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (sau đây gọi là Danh sách kê khai giá) được thực hiện như sau: a) ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cho một cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận theo thời hạn quy định tại điểm b khoản này....”. Theo đó, hiện nay Sở Tài chính đang tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể đơn vị tiếp nhận hồ sơ kê khai giá, đơn vị chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá theo quy định của Luật Giá 2023.

Theo số liệu tiếp nhận hồ sơ kê khai giá tại Sở Tài chính, trong 09 tháng đầu năm 2024 đã tiếp nhận 633 hồ sơ kê khai giá, trong đó chủ yếu là các mặt hàng như: xăng, dầu, thép, gạo, phân bón...do có biến động thay đổi giá.

5. Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá:

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia đoàn kiểm tra lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Kế hoạch Thanh tra, kiểm tra

doanh nghiệp năm 2024 theo Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 06/12/2023 của UBND tỉnh An Giang.

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; Sở Tài chính đang tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang, trong đó phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thực hiện việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh An Giang. Đồng thời, triển khai đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghị định số 87/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá.

IV. Dự báo giá thị trường

1. Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động dự kiến lên CPI: Dự kiến các mặt hàng trên thị trường tương đối ổn định, không có sự biến động lớn về giá.

2. Dự kiến phương án giá điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (nếu có): Tổ chức rà soát các văn bản định giá để lập phương án giá điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định của Luật Giá 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

V. Giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá

Theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành và địa phương chủ động trong công tác quản lý, kê khai, niêm yết và công khai thông tin về giá các mặt hàng theo chức năng nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp có biến động lớn về giá, căn cứ quy định tại Luật Giá, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật.

Trên đây là tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá 09 tháng năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- VP Bộ Tài chính (TPHCM);
- Cục Quản lý Giá;
- VP Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở CT, Cục HQ, Cục QLTT; Cục thống kê;
- Sở Tài chính các tỉnh;
- Phòng TCKH huyện, thị xã, TP;
- Ban Giám đốc Sở;
- Trung tâm TD&DVTC;
- Công TTĐT Sở Tài chính;
- Lưu: VT, P.GCS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quốc Bình